TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYÊN MỘC
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2017
"V/v ly hôn giữa bà S và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Đoàn Thị Mến

2- Bà Trịnh Thị Mai Hương

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970, có mặt

Địa chỉ: Tổ A, ấp PT, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1962, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ A, ấp PT, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-5-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Bà S và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2012 ông bà phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông T mắng chửi, đánh đập bà S nhiều lần. Mâu thuẫn của ông bà được ấp, xã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà S thấy tình cảm giữa bà và ông T không còn nên yêu cầu ly hôn ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 07 con chung là Đỗ Thị T, sinh năm 1989, Đỗ Quang QT, sinh năm 1990, Đỗ Văn VT, sinh năm 1995, Đỗ Văn H, sinh năm 1996, Đỗ Văn VH, sinh năm 1998, Đỗ Văn B, sinh ngày 23/5/1999 đã trưởng thành và Đỗ Thị Kim O, sinh ngày 08/5/2001 chưa thành niên đang ở cùng bà S. Nếu ly hôn, bà S có nguyện vọng nuôi cháu B và O, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-6-2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Đỗ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng và không đăng ký kết hôn như bà S trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, ông T và bà S có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ, lúc bị bệnh người khó chịu không kìm chế có mắng chửi bà S. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012. Nay bà S xin ly hôn, ông T yêu cầu không công nhận vợ chồng, vì không đăng ký kết hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 07 con chung như bà S trình bày. Nếu ly hôn ông T nhất trí để bà S nuôi cháu O chưa trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông T nhất trí như bà S trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện X nhận định:

[2] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị S và ông Đỗ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 và có đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Nay bà S và ông T đều có yêu cầu ly hôn nên tuyên bố không công nhận bà S và ông T là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Bà S và ông T có 07 con chung, 06 người con đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với 01 con chung còn lại chưa thành niên, bà S yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-6-2017 ông T đồng ý theo yêu cầu của bà S, sự nhất trí của ông bà phù hợp với nguyện vọng của con nên để bà S nuôi con chung chưa thành niên, bà S không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: Bà S và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ; ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục I Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Đỗ Văn T là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S

Bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là Đỗ Thị Kim O, sinh ngày 08/5/2001; bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà S và ông T có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0004241 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; bà S đã nộp đủ; ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- THA huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiển